

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần thủy điện Cần Đơn ban hành theo quyết định số 01/QĐ-HĐQT ngày 29/6/2022 của Hội đồng quản trị;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần thủy điện Cần Đơn tổ chức ngày 30/6/2023.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2022, gồm các chỉ tiêu cơ bản như sau:

TT	Các chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2022			Thực hiện năm 2022			Tỷ lệ hoàn thành công ty mẹ (%)	Tỷ lệ hoàn thành Hợp nhất (%)
			Công ty mẹ	Công ty con	Hợp nhất	Công ty mẹ	Công ty con	Hợp nhất		
I	Sản xuất điện	10 ⁶ kWh	389,0	26,3	415,3	457,2	22,8	480,0	117,5	115,6
II	Tổng giá trị SXKD	10 ⁶ đ	429.500	31.500	461.000	460.070	31.945	492.015	107,1	106,7
1	Giá trị KD SP công nghiệp	10 ⁶ đ	429.280	31.500	460.780	459.289	31.944	491.234	107,0	106,6
2	Giá trị KD dịch vụ khác	10 ⁶ đ	220		220	780	1	781	354,7	355,0
III	Các chỉ tiêu tài chính									
1	Doanh thu	10 ⁶ đ	390.700	28.700	419.400	426.036	29.579	455.614	109,0	108,6
2	Nộp ngân sách	10 ⁶ đ	138.800	2.900	141.700	136.781	5.601	142.382	98,5	100,5
3	Lợi nhuận	10 ⁶ đ								
	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁶ đ	185.200	500	185.700	192.183	1.751	192.511	103,8	103,7
	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁶ đ	148.160	500	148.660	153.651	1.751	154.264	103,7	103,8
4	Vốn chủ sở hữu	10 ⁶ đ	900.600	47.950	900.600	1.090.518	49.701	1.096.615	121,1	121,8
5	Vốn điều lệ	10 ⁶ đ	689.986	75.000	689.986	689.986	75.000	689.986	100,0	100,0
6	Dự kiến chi trả cổ tức năm 2022	%	21		21	14		14	67	67
IV	Kế hoạch đầu tư	10 ⁶ đ	19.440		19.440	150		150		0,77

Điều 2. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2023.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2023			Ghi chú
			Công ty mẹ	Công ty con	Hợp nhất	
I	Tổng giá trị SXKD	10⁶đ	394.400	31.400	425.800	
1	Giá trị KD SP công nghiệp	10 ⁶ đ	394.200	31.400	425.600	
2	Giá trị KD dịch vụ khác	10 ⁶ đ	200		200	
II	Các chỉ tiêu tài chính					
1	Doanh thu	10 ⁶ đ	358.600	28.600	387.200	
2	Nộp ngân sách	10 ⁶ đ	128.300	2.900	131.200	
3	Lợi nhuận	10 ⁶ đ				
	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁶ đ	143.400	1.500	144.900	
	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁶ đ	114.720	1.500	116.220	
5	Vốn chủ sở hữu	10 ⁶ đ	898.800		898.800	
6	Vốn điều lệ	10 ⁶ đ	689.986		689.986	
9	Dự kiến tỉ lệ cổ tức	%	18,0		18,0	

Điều 3. Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023 (Như báo cáo đã trình bày tại Đại hội).

Điều 4. Thông qua báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả hoạt động năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023 (Như báo cáo đã trình bày tại Đại hội).

Điều 5. Thông qua báo cáo tài chính năm 2022.

Thông qua báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán, trình bày và công bố.

5.1 Một số chỉ tiêu cơ bản của Báo cáo tài chính Công ty mẹ năm 2022

TT	Chỉ tiêu	Số tiền (VNĐ)
1	Tổng tài sản	1.242.886.548.735
2	Vốn chủ sở hữu	1.090.518.492.268
3	Doanh thu thuần	425.689.350.148
4	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	192.182.886.264
5	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	153.651.186.181

5.2. Một số chỉ tiêu cơ bản của Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (VNĐ)
1	Tổng tài sản	1.435.387.343.202
2	Vốn chủ sở hữu	1.096.615.315.096
3	Doanh thu thuần	455.267.317.369
4	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	192.511.142.528
5	Lợi nhuận sau thuế	154.263.931.207
6	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	153.935.674.943

Điều 6. Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2021, 2022

6.1. Phương án phân phối lợi nhuận của năm 2021

a) Về BCTC kiểm toán năm 2021.

Tiếp tục thực hiện yêu cầu của Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/6/2022 về Báo cáo tài chính năm 2021. Trường hợp khi lập lại Báo cáo tài chính năm 2021 không có ý kiến ngoại trừ của kiểm toán, nếu ảnh hưởng đến kết quả sẽ thực hiện điều chỉnh vào báo cáo tài chính năm tiếp theo.

b) Về Phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2021.

- Thông qua việc sử dụng lợi nhuận và chia cổ tức năm 2021 theo Báo cáo tài chính năm 2021 sau kiểm toán, như sau:

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2021 Công ty mẹ	158.958.717.137
2	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo BCTC công ty mẹ đến hết ngày 31/12/2021	169.971.402.450
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo BCTC hợp nhất đến hết ngày 31/12/2021	166.463.696.977
4	Lợi nhuận được phân phối năm 2021	166.463.696.977
5	Trích lập các quỹ trên lợi nhuận thực hiện năm 2021	57.494.753.750
-	Quỹ đầu tư phát triển ((1)*30%)	47.687.615.141
-	Quỹ khen thưởng, phúc lợi (3 tháng lương thực hiện của người lao động)	9.585.897.020
-	Quỹ khen thưởng của Người Quản lý (1 tháng lương thực hiện của NQL)	221.241.589
6	Lợi nhuận còn được chia cổ tức năm 2021 (6)=(4)-(5)	108.968.943.227
7	Lợi nhuận chia cổ tức năm 2021	103.497.930.000
-	Vốn điều lệ	689.986.200.000
-	Tỷ lệ chia cổ tức	15%
8	Lợi nhuận còn lại chuyển năm sau (8)=(2)-(5)-(7)	8.978.718.700

6.2 Phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2022

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2022 Công ty mẹ	153.651.186.181
2	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo BCTC Công ty mẹ đến 31/12/2022	323.622.588.631
3	Lợi nhuận sau thuế phân phối năm 2021 (trình ĐHĐCĐ 2023)	160.992.683.750
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo BCTC công ty mẹ đến 31/12/2022 sau phân phối năm 2021 (4)=(2)-(3)	162.629.904.881
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo BCTC hợp nhất đến 31/12/2022	320.399.371.920
6	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo BCTC hợp nhất đến 31/12/2022 sau phân phối năm 2021 (6)=(5)-(3)	159.406.688.170
7	Lợi nhuận được phân phối năm 2022	159.406.688.170
8	Trích lập các quỹ trên lợi nhuận thực hiện năm 2022	55.244.390.172



TT	Nội dung	Số tiền (đồng)
-	Quỹ đầu tư phát triển ((1)*30%)	46.095.355.854
-	Quỹ khen thưởng, phúc lợi (3 tháng lương thực hiện của người lao động)	8.804.000.000
-	Quỹ khen thưởng của Người Quản lý (1 tháng lương thực hiện của NQL)	345.034.318
9	Lợi nhuận còn lại sau trích lập các quỹ năm 2022 (9)=(7)-(8)	104.162.297.997
10	Lợi nhuận chia cổ tức năm 2022	96.598.068.000
-	Vốn điều lệ	689.986.200.000
-	Tỷ lệ chia cổ tức	14%
11	Lợi nhuận còn lại chuyển năm sau (11)=(4)-(8)-(10)	10.787.446.708

Điều 7. Thông qua quyết toán lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2022 và kế hoạch chi trả năm 2023.

- Quyết toán năm 2022:

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 được phê duyệt, ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty căn cứ Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ lao động thương binh và xã hội để thực hiện quyết toán thù lao của Thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương, thù lao Ban Kiểm soát năm 2022.

- Kế hoạch năm 2023:

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ lao động thương binh và xã hội để xây dựng kế hoạch thù lao của Thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương, thù lao Ban Kiểm soát năm 2023.

Điều 8. Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2023

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị được quyết định lựa chọn 01 (một) trong 03 (ba) công ty kiểm toán đã được Bộ Tài chính, Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2023, bao gồm:

- Công ty TNHH Kiểm toán VACO;
- Công ty Kiểm toán và tư vấn UHY;
- Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC;

là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính năm 2023 của đơn vị.

Trường hợp các đơn vị trên không còn nằm trong danh sách các đơn vị được Bộ Tài chính chấp thuận được phép kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2023, hoặc Công ty không đàm phán, thỏa thuận được với các đơn vị này, ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty được lựa chọn một trong số các đơn vị khác nằm trong danh sách các đơn vị kiểm toán được Bộ Tài chính chấp thuận cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2023 để bổ nhiệm là đơn vị Kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty năm 2023.

Điều 9. Thông qua việc sửa đổi Điều lệ - thay đổi ngành nghề ĐKKD của Công ty (tại Điều 4, mục 1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty theo phục lục 2 của Tờ trình số 17/TTr-HĐQT ngày 09/6/2023) và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty ký ban hành Điều lệ sửa đổi.

Điều 10. Thông qua:

- Miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với Ông **Mai Ngọc Hoàn** kể từ thời điểm được ĐHĐCĐ thông qua.
- Bầu bổ sung Ông **Đỗ Đức Mạnh** làm thành viên HĐQT trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2019-2024, kể từ thời điểm được ĐHĐCĐ thông qua.

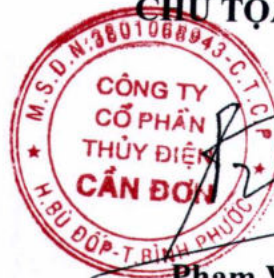
Điều 11. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 30/6/2023. Các Ông/Bà thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc Công ty tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết theo thẩm quyền, theo chức năng nhiệm vụ của mình phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty.

Đại hội đã biểu quyết thông qua toàn văn Nghị quyết với số cổ phần biểu quyết tán thành là 43.160.031 cổ phần, Chiếm: 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Nơi nhận:

- Toàn thể Cổ Đông qua Website cty;
- Các TVHĐQT, BKS;
- UBCKNN, Sở GD&ĐT HCM, CBTT;
- Lưu: HĐQT, TCHC.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**



Phạm Văn Viết

